TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 50

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số thập phân gồm 26 đơn vị, 1 phần mười, 6 phần trăm và 3 phần nghìn viết là:

A. 26,163 **B.** 26,1063 **C.** 260,163 **D.** 26,0163

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 166,718 đến hàng phần mười ta được:

A. 166,7 **B.** 166,72 **C.** 166,9 **D.** 166,8

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phân số 9/25 viết thành phân số thập phân là:

A. 9/100 **B.** 13/100 **C.** 36/100 **D.** 36/1000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Mẹ mua 1,3 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 18 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 18 000 đồng **B.** 32 400 đồng **C.** 234 000 đồng **D.** 23 400 đồng

Câu 5. *(0,5 điểm)* 71,693 × 100 = …….

A. 7,1693 **B.** 716,93 **C.** 71 693 **D.** 7169,3

Câu 6. *(0,5 điểm)* 6 ha = ……. m²

A. 60 000 **B.** 6000 **C.** 600 **D.** 600 000

Câu 7. *(0,5 điểm)* 1 tấn 864 kg = ……. tấn

A. 1,0864 **B.** 1,864 **C.** 10,864 **D.** 2,864

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tam giác có độ dài đáy 25 cm, chiều cao 20 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 45 cm² **B.** 250 cm² **C.** 500 cm² **D.** 90 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	
b) Hình thang có hai cặp cạnh đối diện song song	
c) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	
d) Phân số 3/4 viết được thành số thập phân 0,75	

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 2,81; 2,66; 2,6; 2,8; 2,63.

a) Số bé nhất là: …….

b) Số lớn nhất là: …….

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: …….

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 277,13 + 91,6 = ……

b) 143,7 − 29,07 = ……

c) 13,3 × 7,7 = ……

d) 89,95 : 3,5 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 4 cm = …… m

b) 2 kg 32 g = …… kg

c) 9 km^2 = …… ha

d) 4900 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 5 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 5 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 28 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 8 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 150 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 50

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	C	D	D	A	B	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) S; b) S; c) Đ; d) Đ

Câu 10.

Xếp từ bé đến lớn: 2,6 < 2,63 < 2,66 < 2,8 < 2,81

a) 2,6

b) 2,81

c) 2,66

d) 2,81 + 2,6 = 5,41

Câu 11.

a) 277,13 + 91,6 = 368,73

b) 143,7 − 29,07 = 114,63

c) 13,3 × 7,7 = 102,41

d) 89,95 : 3,5 = 25,7

Câu 12.

a) 2,04

b) 2,032

c) 900

d) 0,49

Câu 13.

a) 5 × 2 × 3,14 = 31,4

b) 5 × 5 × 3,14 = 78,5

c) 28 × 3,14 = 87,92

Câu 14.

Số vải: 4,9 × 8 = 39,2 (m)

Số tiền: 150 000 × 39,2 = 5 880 000 (đồng)